

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/4/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Trúc Linh

Bà Phạm Thu Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Lê Tuấn K, sinh năm 1984, địa chỉ nơi cư trú: Số a ấp f, xã d, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1987; địa chỉ nơi cư trú: Số a ấp f, xã d, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật gia Lê Châu T, sinh năm 1952, địa chỉ nơi cư trú: Số f, đường c, khu phố b, phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt tại phiên Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 09 năm 2021, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Tuấn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Ngọc D tự nguyện chung sống vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã d, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân anh và chị D thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã, không có tiếng nói chung. Anh đã làm đơn ly hôn, khi hòa giải được động viên nên anh có rút đơn nhưng anh thấy mục đích hôn nhân vẫn không đạt được. Anh và chị Trần Thị Ngọc D đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay, anh thấy hôn nhân giữa anh và chị Trần Thị Ngọc D không thể tiếp tục chung sống, không còn tình cảm, tình trạng hôn nhân trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc D. Khi ly hôn, anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Minh K, sinh ngày 28/10/2015 và Lê Ngọc Kh, sinh ngày 07/9/2017. Khi ly hôn, anh yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự Thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giả quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Trần Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Lê Tuấn K. Chị và anh Lê Tuấn K tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng gần 01 năm nay tình cảm đã không còn, mạnh ai nấy sống, thấy tình cảm không còn nên anh Lê Tuấn K yêu cầu ly hôn, chị đồng ý ly hôn. Khi ly hôn, chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Minh K, sinh ngày 28/10/2015 và Lê Ngọc Kh, sinh ngày 07/9/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi cháu Lê Ngọc Kh, anh K nuôi cháu Lê Minh K hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị Ngọc D trình bày: Chị D có công việc ổn định, có thu nhập. Cháu Kh là con gái sống với chị D sẽ tốt hơn cho cháu. Do đó việc chị D nuôi cháu Kh là phù hợp, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được nuôi dưỡng cháu Khuê.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh Lê Tuấn K và chị Trần Thị Ngọc D giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên Tòa và bảo đảm đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71; 72 theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 56, 81, 82, 84 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tuấn K. Anh Lê Tuấn K được ly hôn với chị D. Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Minh K và Lê Ngọc Kh cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không yêu cầu

cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Lê Tuấn K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” với chị Trần Thị Ngọc D có nơi cư trú tại Số a ấp f, xã d, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh Lê Tuấn K và chị Trần Thị Ngọc D tại Ủy ban nhân dân xã f, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/3/2014 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[2.2] Anh Lê Tuấn K cho rằng cuộc hôn nhân giữa anh và chị Trần Thị Ngọc D đã không còn hạnh phúc, nên yêu cầu được ly hôn chị Trần Thị Ngọc D. Khi anh K nộp đơn ly hôn, chị D đồng ý vì cho rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận, anh K, chị D thuận tình ly hôn.

Khi ly hôn, anh Lê Tuấn K và chị Trần Thị Ngọc D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

[2.3] Về con chung: Giữa anh Lê Tuấn K và chị Trần Thị Ngọc D có 02 con chung là Lê Minh K, sinh ngày 28/10/2015 và Lê Ngọc Kh, sinh ngày 07/9/2017. Khi ly hôn, anh K yêu cầu nuôi con 02 con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Chị D không đồng ý việc anh K nuôi 02 con chung, chị D yêu cầu được nuôi Lê Ngọc Kh, anh K nuôi Lê Minh K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn, anh K và chị D sinh sống tại nhà mẹ của anh K. Anh K đi làm ở Tiền Giang, sáng đi chiều về. Chị D làm việc tại khu công nghiệp Giao Long, sáng đi chiều về. Con cái thực tế do mẹ anh K là Nguyễn Thị Hoàn Y chăm sóc. Do ở chung nhà, nên anh K và chị D có phụ thuộc bà Y trông nom con cái. Lúc đó, chị D vẫn còn ở nhà bà Y nên mặc dù có ít thời gian chăm con, nhưng chị D được gặp con hằng ngày, tình cảm mẹ con gắn bó. Sau khi anh K và chị D ly hôn, anh K vẫn ở tại nhà mẹ anh K, chị D trở về nhà cha mẹ ở Tiền Giang sinh sống. Nên nếu giao cả 02 con cho anh K thì chị D rời khỏi nhà chồng không được gần con sau cuộc hôn nhân gần 10 năm là một thiệt thòi đối với chị D. Hơn nữa, bà Y đã lớn tuổi (sinh năm 1955), nên một mình trông nom 02 cháu là rất vất vả. Về điều kiện kinh tế, anh K và chị D đều có công việc ổn định, có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện nuôi con chung. Mặc khác, cháu Kh là con gái, nên cần có mẹ quan tâm chăm sóc để cháu phát triển tâm sinh lý ổn định, cháu K là con trai, sống với anh K sẽ phù hợp. Do đó cần giao cháu K cho anh K và cháu Kh cho chị D nuôi dưỡng.

[2.4] Về việc cấp dưỡng nuôi chung: Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thuộc nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, nhưng anh K và chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.5] Về tài sản chung, về nợ chung: anh Lê Tuấn K, chị Trần Thị Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Tuấn K là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên anh Lê Tuấn K phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 5, 144, 147, 235, 266, 271, 273 và 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên:

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Tuấn K và chị Trần Thị Ngọc D thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Anh Lê Tuấn K được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng người con chung giữa anh với chị Trần Thị Ngọc D là Lê Minh K, sinh ngày 28/10/2015. Chị Trần Thị Ngọc D được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng người con chung giữa chị với anh Lê Tuấn K là Lê Ngọc Kh, sinh ngày 07/9/2017.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, anh Lê Tuấn K và chị Trần Thị Ngọc D hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Tuấn K phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng)

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000956 ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, anh Lê Tuấn K đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã f;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- CCTHADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan